

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM  
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT  
NGHĨA BÌNH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 – 3
<b>2. Báo cáo kiểm toán</b>	4 – 5
<b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán	6 – 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 26

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Địa chỉ: Số 02 Phố Đức Chính - Phường Lê Hồng Phong - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình tiền thân là Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình được thành lập theo quyết định số 876/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện quyết định số 713/QĐ-ĐS ngày 29/06/2010 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đường sắt Việt Nam chuyển Công ty Quản lý đường sắt Nghĩa Bình thành Công ty TNHH một thành viên. Công ty Quản lý đường sắt Nghĩa Bình đã hoàn tất việc đăng ký kinh doanh, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty TNHH một thành viên lần đầu ngày 01/01/2011, mã số doanh nghiệp 4100259405.

**2. Ban Giám đốc**

Chủ tịch Công ty và các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Quang Nghĩa	Chủ tịch Công ty
- Ông Nguyễn Thái Linh	Giám đốc
- Ông Nguyễn Chi Vân	Phó Giám đốc
- Ông Lê Công Đệ	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở chính tại: số 02, đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, Công ty còn có Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ và xây dựng công trình hạch toán phụ thuộc, có địa chỉ tại số 02, đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**4. Hoạt động chính**

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, hoạt động chính của Công ty là: Quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

**5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách trong giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

**8. Ý kiến của Ban Giám đốc Công ty**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Bình Định, ngày 26 tháng 7 năm 2013

**THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thái Linh**



Số: 86 /2013/BCKT-AFCHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2013

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình

**Kính gửi: CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình được lập ngày 26/7/2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 26 kèm theo.

Báo cáo tài chính này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

**Hạn chế kiểm toán**

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình tại thời điểm 31/12/2012 do tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty. Với các hồ sơ, tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế để thu thập bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu và đúng đắn về giá trị cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này tới các chỉ tiêu và thông tin khác được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của những hạn chế nêu trên đến số liệu, thông tin đã được trình bày trên Báo cáo tài chính, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

**Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam,**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Như Tiến**

Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0449-2013-009-1

**Nguyễn Hồng Quang**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0576-2013-009-1



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Địa chỉ: Số 02 đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>52.371.214.199</b>	<b>33.924.139.350</b>
Tiền và tương đương tiền	110		20.249.341.767	11.489.866.931
Tiền	111	5.1	13.749.341.767	249.866.931
Các khoản tương đương tiền	112		6.500.000.000	11.240.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.184.471.606</b>	<b>16.520.156.010</b>
Phải thu khách hàng	131		14.038.420.280	17.357.062.794
Trả trước cho người bán	132		132.096.500	149.545.766
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.204.870.826	204.463.450
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.190.916.000)	(1.190.916.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>16.618.040.778</b>	<b>5.483.874.278</b>
Hàng tồn kho	141	5.3	16.618.040.778	5.483.874.278
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.319.360.048</b>	<b>430.242.131</b>
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.319.360.048	430.242.131
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>401.776.858.231</b>	<b>324.944.581.561</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>401.551.114.837</b>	<b>324.809.127.507</b>
TSCĐ hữu hình	221	5.4	387.116.512.228	310.374.524.898
- Nguyên giá	222		769.226.019.831	662.849.558.185
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(382.109.507.603)	(352.475.033.287)
TSCĐ vô hình	227	5.5	14.434.602.609	14.434.602.609
- Nguyên giá	228		28.818.447.819	28.818.447.819
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(14.383.845.210)	(14.383.845.210)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>225.743.394</b>	<b>135.454.054</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	225.743.394	135.454.054
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>454.148.072.430</b>	<b>358.868.720.911</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Địa chỉ: Số 02 đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>66.943.276.582</b>	<b>52.104.939.388</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>43.360.693.167</b>	<b>26.358.864.721</b>
Phải trả người bán	312		11.725.735.429	4.693.357.710
Người mua trả tiền trước	313		5.460.880.816	200.000.000
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.8	5.759.545.756	3.798.595.803
Phải trả người lao động	315		16.864.342.711	13.741.619.784
Phải trả nội bộ	317		3.491.119.052	1.807.227.442
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.9	812.024.584	1.642.672.274
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(752.955.181)	475.391.708
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>23.582.583.415</b>	<b>25.746.074.667</b>
Phải trả dài hạn nội bộ	332		23.177.383.415	25.340.874.667
Vay và nợ dài hạn	334	5.10	405.200.000	405.200.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>387.204.795.848</b>	<b>306.763.781.523</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.11	<b>13.565.426.043</b>	<b>13.052.284.868</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		8.226.986.968	8.226.986.968
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.152.080.384	1.152.080.384
Quỹ dự phòng tài chính	418		613.366.648	276.745.681
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.542.729.875	3.366.209.667
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		30.262.168	30.262.168
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>373.639.369.805</b>	<b>293.711.496.655</b>
Nguồn kinh phí	432	5.12	(515.000)	(515.000)
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		373.639.884.805	293.712.011.655
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>454.148.072.430</b>	<b>358.868.720.911</b>



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Địa chỉ: Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Định, ngày 26 tháng 7 năm 2013

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**Phan Ngọc Minh**



**Nguyễn Thái Linh**

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Địa chỉ: Số 02 đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	89.570.295.141	87.378.753.685
Các khoản giảm trừ	02	6.2	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.3	89.570.295.141	87.378.753.685
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	78.845.327.064	77.202.814.931
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.724.968.077	10.175.938.754
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	1.763.770.282	1.404.643.942
Chi phí tài chính	22	6.6	43.770.018	56.675.750
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	56.675.750
Chi phí bán hàng	24		322.183.580	222.671.793
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.255.069.634	6.463.500.394
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.867.715.127	4.837.734.759
Thu nhập khác	31		3.474.706.133	1.406.827.790
Chi phí khác	32		3.600.165.732	1.666.528.567
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(125.459.599)	(259.700.777)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.742.255.528	4.578.033.982
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.199.525.653	1.211.824.315
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		3.542.729.875	3.366.209.667

Bình Định, ngày 26 tháng 7 năm 2013

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Phan Ngọc Minh****GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thái Linh**



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Địa chỉ: Số 02 đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU B	Mã số C	Còn phải nộp đầu năm 1	Số phải nộp trong năm 2	Số đã nộp trong năm 3	Số còn phải nộp cuối năm 4 = 1 + 2 - 3
<b>Thuế</b>	<b>10</b>	<b>2.927.878.557</b>	<b>7.281.488.249</b>	<b>7.180.405.648</b>	<b>3.028.961.158</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	1.969.799.198	5.894.313.623	5.757.296.691	2.106.816.130
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	903.426.004	1.199.525.653	1.310.389.611	792.562.046
Thuế tài nguyên	16	-	-	-	-
Thuế nhà đất	17	-	27.192.000	27.192.000	-
Tiền thuê đất	18	-	-	-	-
Các khoản thuế khác	19	54.653.355	160.456.973	85.527.346	129.582.982
Thuế môn bài			3.000.000	3.000.000	-
Thuế TNCN		54.653.355	157.456.973	82.527.346	129.582.982
Thuế khác		-	-	-	-
<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>30</b>	<b>870.717.246</b>	<b>2.749.956.658</b>	<b>890.089.306</b>	<b>2.730.584.598</b>
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
Các khoản khác	33	870.717.246	2.749.956.658	890.089.306	2.730.584.598
Nộp khác		870.717.246	2.749.956.658	890.089.306	2.730.584.598
<b>Tổng cộng ( 40 = 10+ 30)</b>	<b>40</b>	<b>3.798.595.803</b>	<b>10.031.444.907</b>	<b>8.070.494.954</b>	<b>5.759.545.756</b>

Bình Định, ngày 26 tháng 7 năm 2013

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**

**Phan Ngọc Minh****Nguyễn Thái Linh**

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Địa chỉ: Số 02 đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	110.727.355.729	-
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(30.978.635.372)	(27.026.440.411)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(42.468.185.132)	(6.311.328.188)
Tiền chi trả lãi vay	04	(43.770.018)	(56.675.750)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.310.389.611)	(1.013.791.917)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.863.305.348	110.678.823.452
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(38.790.689.304)	(69.969.626.530)
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ H. động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.998.991.640</b>	<b>6.300.960.656</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(154.293.520)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.760.483.196	1.404.643.942
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.760.483.196</b>	<b>1.250.350.422</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ SH	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(770.000.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(770.000.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>8.759.474.836</b>	<b>6.781.311.078</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.489.866.931	4.708.555.853
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>20.249.341.767</b>	<b>11.489.866.931</b>

Bình Định, ngày 26 tháng 7 năm 2013

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**


Phan Ngọc Minh

**GIÁM ĐỐC**


Nguyễn Thái Linh



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình tiền thân là Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình được thành lập theo quyết định số 876/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện quyết định số 713/QĐ-ĐS ngày 29/06/2010 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đường sắt Việt Nam chuyển Công ty Quản lý đường sắt Nghĩa Bình thành Công ty TNHH một thành viên. Công ty Quản lý đường sắt Nghĩa Bình đã hoàn tất việc đăng ký kinh doanh, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty TNHH một thành viên lần đầu ngày 01/01/2011, mã số doanh nghiệp 4100259405.

Theo đó, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp, công trình thủy lợi;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, thẩm định báo cáo đầu tư, khảo sát, thiết kế, giám sát các công trình giao thông, dân dụng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao. Chi tiết: Sản xuất bê tông;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thiết bị, phụ kiện chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị, phụ kiện chuyên ngành giao thông đường sắt;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn trang thiết bị dụng cụ lao động, các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh bất động sản; cho thuê mặt bằng, kho bãi;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Khách sạn;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Khai thác đất;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ đá;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu.

Công ty có trụ sở chính tại: số 02, đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, Công ty còn có Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ và xây dựng công trình hạch toán phụ thuộc, có địa chỉ tại số 02, đường Phố Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Nhật ký chung.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 của Công ty.

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: Bình quân gia quyền tháng

Sản phẩm dở dang: Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.4 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.4.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**4.4.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**4.5 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hóa theo quy định.

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

**4.6 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty thuộc Nhà nước sở hữu do Tổng Công ty đường sắt Việt Nam quản lý.

Nguồn vốn kinh doanh được thể hiện trên Báo cáo tài chính của Công ty bao gồm nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp, nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận hàng năm.

Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận của hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 17/09/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

**4.7 Doanh thu**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty bao gồm doanh thu hoạt động công ích và doanh thu hoạt động ngoài công ích.

- Doanh thu hoạt động công ích: được ghi nhận trên cơ sở có xác nhận của Ban cơ sở hạ tầng về hạng mục công việc hoàn thành, không phụ thuộc vào việc Kho bạc Nhà nước đã phê duyệt trên Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư do Công ty lập hay chưa.
- Doanh thu hoạt động ngoài công ích (chủ yếu là hợp đồng xây dựng): được ghi nhận trên cơ sở quyết toán A-B, được hai bên ký xác nhận.
- Doanh thu hoạt động dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận dựa trên thông báo của ngân hàng.

**4.8 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

**4.9 Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

- Thực hiện duy tu sửa chữa đường sắt, thi công xây dựng các công trình vừa và nhỏ: 10%;





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong giai đoạn tài chính. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu tại ngày 31/12/2012.

***Các loại thuế khác:*** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.10 Khoản phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và tương đương tiền**

		<b>31/12/2012 (VND)</b>	<b>01/01/2012 (VND)</b>
Tiền mặt tại quỹ	(i)	89.542.570	25.813.431
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	13.659.799.197	224.053.500
Các khoản tương đương tiền	(iii)	6.500.000.000	11.240.000.000
<b>Cộng</b>		<b>20.249.341.767</b>	<b>11.489.866.931</b>
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2012 bao gồm:			
	<b>Nguyên tệ</b>		<b>VND</b>
Đồng Việt Nam (VND)			89.542.570
<b>Cộng</b>			<b>89.542.570</b>
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2012 bao gồm:			
	<b>Nguyên tệ</b>		<b>VND</b>
Đồng Việt Nam (VND)			
<i>Ngân hàng NN&amp;PT Nông thôn Bình Định</i>			4.769.596.716
<i>Ngân hàng Công Thương Bình Định</i>			8.077.042.111
<i>Ngân hàng ĐT ĐT &amp; PT Bình Định</i>			813.160.370
<b>Cộng</b>			<b>13.659.799.197</b>
 (iii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2012 bao gồm:			
	<b>Nguyên tệ</b>		<b>VND</b>
Đồng Việt Nam (VND)			6.500.000.000
<i>Ngân hàng NN&amp;PT Nông thôn Bình Định</i>			4.000.000.000
<i>Ngân hàng Công Thương Bình Định</i>			2.500.000.000
<b>Cộng</b>			<b>6.500.000.000</b>



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM****CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Địa chỉ: Số 02 Phố Đức Chính - Phường Lê Hồng Phong - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2012</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2012</b> <b>(VND)</b>
BHXX phải thu CBCNV	380.462.400	-
Phải thu BH tiền ốm đau	241.045.540	
BHYT phải thu CBCNV	71.982.500	-
Thuế TNCN	134.225.054	-
Phải thu của các đội thi công	89.327.106	-
Phải thu khác	287.828.226	204.463.450
<b>Cộng</b>	<b>1.204.870.826</b>	<b>204.463.450</b>

**5.3 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2012</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2012</b> <b>(VND)</b>
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	10.940.905.446	3.999.141.160
Công cụ, dụng cụ	105.663.838	132.660.009
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.429.813.482	1.269.955.757
Thành phẩm	51.143.262	50.298.954
Hàng hóa	90.514.750	31.818.398
<b>Cộng</b>	<b>16.618.040.778</b>	<b>5.483.874.278</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**5.4 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	625.646.489.666	31.344.096.610	5.060.980.877	374.581.216	423.409.816	662.849.558.185
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng do được bán giao	106.376.461.646	-	-	-	-	106.376.461.646
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>732.022.951.312</b>	<b>31.344.096.610</b>	<b>5.060.980.877</b>	<b>374.581.216</b>	<b>423.409.816</b>	<b>769.226.019.831</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư đầu năm	340.661.638.536	7.430.410.568	3.686.518.407	354.074.721	342.391.055	352.475.033.287
- Khấu hao trong năm	356.734.730	2.397.896.481	339.498.963	5.113.377	-	3.099.243.551
- Tính hao mòn	26.449.521.664	84.816.349	879.505	13.247	-	26.535.230.765
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>367.467.894.930</b>	<b>9.913.123.398</b>	<b>4.026.896.875</b>	<b>359.201.345</b>	<b>342.391.055</b>	<b>382.109.507.603</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	284.984.851.130	23.913.686.042	1.374.462.470	20.506.495	81.018.761	310.374.524.898
Tại ngày cuối năm	364.555.056.382	21.430.973.212	1.034.084.002	15.379.871	81.018.761	387.116.512.228





**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Địa chỉ: Số 02 Phố Đức Chính - Phường Lê Hồng Phong - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**5.5 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Nền đường đất VND	TSCĐVH khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	28.818.447.819	-	28.818.447.819
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>28.818.447.819</b>	<b>-</b>	<b>28.818.447.819</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư đầu năm	14.383.845.210	-	14.383.845.210
- Khấu hao trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.383.845.210</b>	<b>-</b>	<b>14.383.845.210</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	14.434.602.609	-	14.434.602.609
Tại ngày cuối năm	14.434.602.609	-	14.434.602.609

**5.6 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Giá trị công cụ dụng cụ phân bổ	225.743.394	135.454.054
Chi phí trả trước dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>225.743.394</b>	<b>135.454.054</b>

**5.7 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Vay ngắn hạn	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**5.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2012</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2012</b> <b>(VND)</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.106.816.130	1.969.799.198
Thuế thu nhập doanh nghiệp	792.562.046	903.426.004
Thuế thu nhập cá nhân	129.582.982	54.653.355
Các khoản phải nộp khác	2.730.584.598	870.717.246
<b>Cộng</b>	<b>5.759.545.756</b>	<b>3.798.595.803</b>

**5.9 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2012</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2012</b> <b>(VND)</b>
Kinh phí công đoàn	162.441.731	167.154.420
Bảo hiểm xã hội	-	258.264.836
Bảo hiểm y tế	-	89.943.283
Chênh lệch bán vật tư thu hồi	307.096.719	37.181.913
Phế liệu thu hồi	-	1.090.127.822
Các khoản phải trả các đội	342.486.134	-
<b>Cộng</b>	<b>812.024.584</b>	<b>1.642.672.274</b>

**5.10 Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2012</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2012</b> <b>(VND)</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>405.200.000</b>	<b>405.200.000</b>
Vay ngân hàng	-	-
Vay đối tượng khác	405.200.000	405.200.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>405.200.000</b>	<b>405.200.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**5.11 Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<i>Vốn đầu tư của chủ SH</i> VND	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i> VND	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i> VND	<i>LN chưa phân phối</i> VND	<i>Nguồn vốn đầu tư XDCB</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	8.226.986.968	1.152.080.384	276.745.681	-	30.262.168	9.686.075.201
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.366.209.667	-	3.366.209.667
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước/đầu năm nay</b>	<b>8.226.986.968</b>	<b>1.152.080.384</b>	<b>276.745.681</b>	<b>3.366.209.667</b>	<b>30.262.168</b>	<b>13.052.284.868</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.542.729.875	-	3.542.729.875
Tăng khác	-	-	336.620.967	-	-	336.620.967
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(3.366.209.667)	-	(3.366.209.667)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>8.226.986.968</b>	<b>1.152.080.384</b>	<b>613.366.648</b>	<b>3.542.729.875</b>	<b>30.262.168</b>	<b>13.565.426.043</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Vốn góp của Nhà nước	8.226.986.968	8.226.986.968
Vốn góp của đối tượng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.226.986.968</b>	<b>8.226.986.968</b>

*Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	8.226.986.968	8.226.986.968
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	8.226.986.968	8.226.986.968
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*Các quỹ của Công ty*

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Quỹ đầu tư phát triển	1.152.080.384	1.152.080.384
Quỹ dự phòng tài chính	613.366.648	276.745.681
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	30.262.168	-

**5.12 Nguồn kinh phí**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>(515.000)</b>	<b>(515.000)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>89.570.295.141</b>	<b>87.378.753.685</b>
Doanh thu hoạt động công ích	82.264.849.735	73.763.842.956
Doanh thu hoạt động khác	7.305.445.406	13.614.910.729

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
<b>Tổng các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-

**6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
<b>D. thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>89.570.295.141</b>	<b>87.378.753.685</b>
Doanh thu thuần hoạt động công ích	82.264.849.735	73.763.842.956
Doanh thu thuần hoạt động khác	7.305.445.406	13.614.910.729

**6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Giá vốn hoạt động công ích	71.220.847.112	64.082.020.263
Giá vốn hoạt động khác	7.624.479.952	13.120.794.668
<b>Cộng</b>	<b>78.845.327.064</b>	<b>77.202.814.931</b>

**6.5 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.763.770.282	1.404.643.942
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.763.770.282</b>	<b>1.404.643.942</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Địa chỉ: Số 02 Phố Đức Chính - Phường Lê Hồng Phong - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**6.6 Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Lãi tiền vay	43.770.018	56.675.750
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>43.770.018</b>	<b>56.675.750</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.199.525.653	1.211.824.315
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.199.525.653</b>	<b>1.211.824.315</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.215.948.524	24.174.176.449
Chi phí nhân công	48.279.770.945	43.996.542.438
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.099.243.551	3.078.570.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.881.000.708	1.545.537.586
Chi phí khác bằng tiền	9.690.790.681	8.375.286.479
<b>Cộng</b>	<b>90.166.754.409</b>	<b>81.170.113.057</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên có liên quan**

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và các đơn vị trong nội bộ Tổng Công ty được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

**7.2 Thông tin so sánh**

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam (nay được đổi tên là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam).

Bình Định, ngày 26 tháng 7 năm 2013

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**Phan Ngọc Minh**



**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thái Linh**

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Địa chỉ: Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**BẢNG KÊ VẬT TƯ HÀNG HÓA, VÀ DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TỔNG CÔNG TY**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

TT	Mã KH	Tên đơn vị bán	Đơn vị		Mua trong năm		Tồn cuối năm		
			tỉnh	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền ( VND )	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền ( VND )
A		B	C	1	2	3	4	5	6
1		Công ty Cơ khí đường sắt Đà Nẵng				4.000.287.396			
		Mua vật tư				4.000.287.396			
2		Công ty XNK cung ứng vật tư thiết bị Đường sắt				4.804.744.869			
		Mua vật tư				4.804.744.869			
3		Công ty QLĐS Phú Khánh				1.605.975.000			
		Mua vật tư				1.605.975.000			
4		Công ty QLĐS Quảng Nam - Đà Nẵng				1.301.310.910			
		Mua vật tư				1.301.310.910			
5		Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công trình 3				323.663.818			
		Mua vật tư				323.663.818			
6		Công ty TNHH MTV Vận tải hàng hóa đường sắt				126.818.000			
		Mua dịch vụ				126.818.000			
7		Xí nghiệp Cao su đường sắt				1.269.294.966			
		Mua vật tư				1.269.294.966			
8		Công ty CP Công trình đường sắt				5.989.377.680			
		Mua vật tư				5.989.377.680			
		<b>Tổng Cộng</b>				<b>19.421.472.639</b>			

Người lập biểu

*Nhung*

Nguyễn Thị Hương Nhung

Kế toán Trưởng

*Phan Ngọc Minh*

Phan Ngọc Minh



Bình Định, ngày 26 tháng 7 năm 2013

Giám đốc

Nguyễn Thái Linh



## BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, THAN BÁN NỘI BỘ TỔNG CÔNG TY

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Chung loại than	Đơn vị	Số lượng	Doanh thu		Giá vốn	
				Đơn giá	Giá trị ( VND)	Đơn giá	Giá trị ( VND)
A	B	C	1	2	3	4	5
	<b>TỔNG CỘNG</b>				87.977.264.230		
1	Công ty CP đầu tư & xây dựng công trình 3				3.368.722.895		
	DT xây dựng công trình				2.121.474.545		
	Bán phế liệu				1.247.248.350		
2	Ban QLDA Cơ sở hạ tầng Đường sắt				82.264.849.735		
	DT sửa chữa tx, sc kc				82.264.849.735		
3	Công ty Cổ phần Xây lắp và Cơ khí Cầu đường				2.208.101.600		
	bán phế liệu				2.208.101.600		
4	Công ty CP đầu tư & xây dựng công trình 3				135.590.000		
	Dt xây dựng công trình				135.590.000		

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương Nhung

Kế toán Trưởng



Phan Ngọc Minh



Bình Định, ngày 26 tháng 7 năm 2013

Giám đốc



Nguyễn Thái Linh

## BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TỔNG CÔNG TY

Vào ngày 31/12/2012

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ						
		131	331	336	311	335	338	341
A	B	1	2	3	4	5	6	7
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI THU</b>	<b>8.385.790.688</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>I</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>8.385.790.688</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Công ty Cổ phần Vĩnh Nguyên	22.249.051						
	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công trình 3	3.993.645.134						
	Ban QLDA Cơ sở hạ tầng Đường sắt	3.976.516.043						
	Công ty Cổ phần Xây lắp và Cơ khí Cầu đường	322.280.860						
	XN 303 Công ty CP Đầu tư & XDCT 3	71.099.600						
<b>II</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>CỘNG</b>	<b>8.385.790.688</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>3.800.000.000</b>	<b>10.427.973.903</b>	<b>26.668.502.467</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>I</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>3.800.000.000</b>	<b>10.427.973.903</b>	<b>3.491.119.052</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Ban QLDA Đường sắt Khu vực 3	2.200.000.000						
2	Công ty TNHH MTV QLĐS Phú Khánh	1.600.000.000						
3	Công ty Cơ khí đường sắt Đà Nẵng		1.830.105.175					
4	Công ty XNK cung ứng vật tư thiết bị Đường sắt		2.324.401.518					
5	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công trình 3		170.313.000					
6	Xí nghiệp Cao su đường sắt		571.227.050					
7	Công ty Chế biến lâm sản Nghệ An		271.216.181					
8	Trung tâm đào tạo Nghiệp vụ Đà Nẵng		271.216.181					
9	Công ty CP Công trình Đường sắt		4.257.190.798					
10	Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Hà Hải		16.583.000					
11	Công ty QLĐS Quảng Nam - Đà Nẵng		715.721.000					
12	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam			3.491.119.052				



TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Địa chỉ: Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TỔNG CÔNG TY**

Vào ngày 31/12/2012

Đơn vị: VND

		Các khoản công nợ						
TT	Tên đơn vị	131	331	336	311	335	338	341
A	B	1	2	3	4	5	6	7
II	<b>CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN</b>	-	-	23.177.383.415	-	-	-	-
1	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam			23.177.383.415				
	<b>CỘNG</b>	3.800.000.000	10.427.973.903	26.668.502.467	-	-	-	-

Người lập biểu

*Nhung*

Nguyễn Thị Hương Nhung

Kế toán Trưởng

*Phan Ngọc Minh*

Phan Ngọc Minh



Bình Định, ngày 26 tháng 7 năm 2013

Giám đốc

Nguyễn Thái Linh

